

TRẮC NGHIỆM ĐỊA 12 BÀI 42 VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, AN NINH QUỐC PHÒNG

Câu 1. Loại khoáng sản đang có giá trị nhất ở biển Đông nước ta hiện nay là

- A. dầu mỏ, khí tự nhiên
- B. muối
- C. cát thủy tinh
- D. titan

Câu 2. Vùng biển nước ta giàu tài nguyên sinh vật biển là do

- A. thềm lục địa nông, độ mặn nước biển lớn
- B. nước biển ấm, nhiều ánh sáng, giàu ô xi.
- C. Có nhiều vũng vịnh, đầm phá
- D. Có các dòng hải lưu

Câu 3. Nguồn lợi tổ yến của nước ta phân bố chủ yếu ở

- A. các đảo trên vịnh Bắc Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ
- D. Đông Nam Bộ

Câu 4. Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 5. Nhân tố nào không là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển tổng hợp kinh tế biển?

- A. Vùng biển nước ta là nơi hình thành các cơn bão nhiệt đới
- B. Vùng biển nước ta rộng, nước biển ấm, nguồn lợi sinh vật biển phong phú
- C. Vùng biển nước ta có nhiều sa khoáng, thềm lục địa có dầu khí....
- D. Vùng biển nước ta có nhiều vũng vịnh kín, thuận lợi cho xây dựng hải cảng, nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp.

Câu 6. Nước ta cần phải khai thác tổng hợp kinh tế biển không phải vì

- A. khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao
- B. môi trường vùng biển dễ bị chia cắt

- C. môi trường đảo do diện tích nhỏ và biệt lập nên rất nhạy cảm dưới tác động của con người
- D. tiện cho việc đầu tư vốn và kỹ thuật

Câu 7. Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo ở nước ta chưa cần phải quan tâm tới việc

- A. khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ
- B. khai thác quá mức các đối tượng có nguồn lợi kinh tế
- C. sử dụng các phương tiện đánh bắt mang tính hủy diệt nguồn lợi
- D. mở rộng hợp tác với nhiều nước hơn nữa

Câu 8. Nước ta cần phải đẩy mạnh đánh bắt xa bờ vì

- A. nguồn lợi hải sản ven bờ đã hết
- B. mang lại hiệu quả kinh tế cao lại bảo vệ được vùng trời, vùng biển và thềm lục địa
- C. góp phần bảo vệ môi trường và vùng biển
- D. nước ta có nhiều ngư trường xa bờ hơn

Câu 9. Điều kiện nào không phải là yếu tố thuận lợi để phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở nước ta?

- A. có vùng biển rộng, giàu tài nguyên hải sản
- B. có nhiều ngư trường
- C. có nhiều bão, áp thấp và các đợt không khí lạnh
- D. có nhiều vũng vịnh, đầm phá ven bờ

Câu 10. Vấn đề đặt ra trong khai thác dầu khí ở thềm lục địa nước ta là

- A. tránh để xảy ra các sự cố môi trường trong thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.
- B. Tăng cường hợp tác với các nước để được chuyển giao công nghệ hiện đại
- C. Xây dựng nhà máy lọc dầu tại nơi khai thác
- D. Hợp tác toàn diện lao động nước ngoài

Câu 11. Việc xác định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa rất lớn vì

- A. các đảo và quần đảo nước ta có tiềm năng kinh tế rất lớn
- B. đây là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta với vùng biển và thềm lục địa
- C. các đảo và quần đảo đều nằm xa với đất liền
- D. các đảo và quần đảo là bộ phận không thể tách rời trong vùng biển nước ta

Câu 12. Các đảo và quần đảo của nước ta

- A. hầu hết là có cư dân sinh sống
- B. tập trung nhiều nhất ở vùng biển phía nam

- C. có ý nghĩa lớn trong việc bảo vệ và phát triển kinh tế đất nước
- D. có ý nghĩa lớn trong khai thác tài nguyên khoáng sản

Câu 13. Các đảo đông dân ở nước ta là

- A. Trường Sa Lớn
- B. Cát Bà, Lý Sơn
- C. Côn Đảo, Thổ Chu
- D. Kiên Hải, Côn Đảo

Câu 14. Huyện đảo Vân Đồn và Cô Tô thuộc tỉnh (thành phố) nào của nước ta?

- A. Quảng Trị
- B. Quảng Ninh
- C. Quảng Ngãi
- D. Quảng Nam

Câu 15. Huyện đảo Cồn Cỏ thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Quảng Trị
- B. Quảng Ninh
- C. Quảng Ngãi
- D. Quảng Nam

Câu 16. Huyện đảo thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là

- A. Phú Quốc
- B. Phú Quý
- C. Cô Tô
- D. Côn Đảo

Câu 17. Các huyện đảo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Lý Sơn và Phú Quý
- B. Phú Quốc và Kiên Hải
- C. Hoàng Sa và Trường Sa
- D. Vân Đồn và Cô Tô

Câu 18. Đảo nào sau đây không được xếp vào các đảo đông dân của vùng biển nước ta?

- A. Cái Bầu.
- B. Cát Bà.
- C. Lý Sơn.
- D. Cồn Cỏ.

Câu 19. Điều kiện nào của vùng biển nước ta thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển?

- A. Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng và giàu có.
- B. Có nhiều sa khoáng với trữ lượng công nghiệp.
- C. Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
- D. Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

Câu 20. Việc khai thác xa bờ ngày càng được đẩy mạnh do

- A. nước ta nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.
- B. dọc bờ biển có nhiều vịnh biển kín thuận lợi phát triển thủy sản.
- C. nước ven bờ có nhiều cửa sông thuận lợi cho việc nuôi trồng hơn đánh bắt.
- D. giúp bảo vệ vùng biển, vùng trời và vùng thềm lục địa.

Câu 21. Ý nào sau đây không phải là ý nghĩa của các đảo và quần đảo ở nước ta?

- A. là cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa quanh các đảo.
- B. là hệ thống tiền tiêu góp phần bảo vệ bảo vệ đất liền.
- C. là cơ sở để khẳng định chủ quyền quốc gia trên đất liền.
- D. là căn cứ để nước ta tiến ra biển lớn trong thời đại mới.

Câu 22. Điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là:

- A. Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.
- B. Dọc bờ biển có nhiều vịnh biển kín thuận lợi cho xây dựng các cảng nước sâu.
- C. Nhiều cửa sông cũng thuận lợi cho việc xây dựng cảng.
- D. Suốt từ Bắc vào Nam có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cảng biển của nước ta tập trung chủ yếu ở ven biển của khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Bộ.
- B. Duyên hải miền Trung.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Nam Bộ.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết đảo (quần đảo) nào sau đây ở nước ta có hệ thống sân bay nội địa?

- A. QĐ. Cô Tô
- B. Đ. Lý Sơn
- C. Đ. Phú Quý
- D. QĐ. Côn Sơn

Câu 25. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết các khu du lịch biển nước ta theo thứ tự từ Bắc vào Nam ở khu vực Bắc Trung Bộ là

- A. Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Đá Nhảy, Thuận An, Cảnh Dương và Lăng Cô.
- B. Sầm Sơn, Cửa Lò, Đá Nhảy, Thiên Cầm, Thuận An, Cảnh Dương và Non Nước.
- C. Cửa Lò, Sầm Sơn, Thiên Cầm, Đá Nhảy, Thuận An, Cảnh Dương và Lăng Cô.
- D. Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Đá Nhảy, Thuận An, Cảnh Dương và Non Nước.

Câu 26. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cảng biển Dung Quất và Nhật Lệ thuộc lần lượt tỉnh/thành phố nào dưới đây?

- A. Quảng Bình và Quảng Ngãi.
- B. Đà Nẵng và Quảng Ngãi.
- C. Quảng Ngãi và Hà Tĩnh.
- D. Quảng Ngãi và Quảng Bình.

Câu 27. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết các bãi biển ở nước ta theo thứ tự từ Bắc vào Nam là

- A. Cửa Lò, Mỹ Khê, Quy Nhơn, Nha Trang, Mũi Né.
- B. Cửa Lò, Quy Nhơn, Mỹ Khê, Nha Trang, Mũi Né.
- C. Mỹ Khê, Cửa Lò, Quy Nhơn, Nha Trang, Mũi Né.
- D. Mỹ Khê, Cửa Lò, Quy Nhơn, Mũi Né, Nha Trang.

Câu 28. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết đảo (quần đảo) nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sân bay nội địa?

- A. QĐ. An Thới
- B. QĐ. Thổ Chu
- C. Đ. Phú Quốc
- D. QĐ. Côn Sơn

Câu 29. Việc tăng cường đối thoại, hợp tác giữa Việt Nam và các nước không có liên quan trong giải quyết các vấn đề về biển và thềm lục địa?

- A. Là nhân tố tạo ra sự phát triển ổn định trong khu vực.
- B. Bảo vệ được lợi ích chính đáng của Nhà nước và nhân dân ta.
- C. Giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.
- D. Bảo vệ người lao động hoạt động nông nghiệp.

Câu 30. Cảng nước sâu nào sau đây không thuộc địa phận miền Trung?

- A. Nghi Sơn.
- B. Vũng Áng.
- C. Dung Quất.
- D. Vũng Tàu.

Câu 31. Phát biểu nào sau đây không đúng với hoạt động du lịch biển của nước ta trong những năm gần đây?

- A. Các trung tâm du lịch biển đã được nâng cấp.
- B. Nhiều vùng biển, đảo mới được đưa vào khai thác.
- C. Có nhiều khu du lịch biển nổi tiếng cả Bắc, Trung, Nam.
- D. Du khách nước ngoài đến Việt Nam chủ yếu du lịch biển.

Câu 32. Phát biểu nào sau đây không đúng với hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta hiện nay?

- A. Công tác thăm dò và khai thác dầu khí trên vùng thềm lục địa đã được đẩy mạnh.
- B. Khi lọc, hoá dầu hoạt động sẽ nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế của dầu khí.
- C. Phải hết sức tránh để xảy ra các sự cố môi trường trong các hoạt động dầu khí.
- D. Nước ta đã làm chủ hoàn toàn việc thăm dò, không liên doanh với nước ngoài.

Câu 33. Hiện nay, khí thiên nhiên ở nước ta chưa được sử dụng cho

- A. công nghiệp làm khí hoá lỏng.
- B. hoá dầu.
- C. làm phân bón.
- D. sản xuất điện.

Câu 34. Hoạt động du lịch biển của các tỉnh phía Nam có thể diễn ra quanh năm vì

- A. giá cả hợp lí.
- B. nhiều bãi biển đẹp.
- C. cơ sở lưu trú tốt.
- D. không có mùa đông lạnh.

Câu 35. Ý nào sau đây không phải là chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế biển ở nước ta?

- A. Sử dụng hợp lí nguồn lợi thiên nhiên biển
- B. Phòng chống ô nhiễm môi trường biển.
- C. Tập trung khai thác tài nguyên ven bờ.
- D. Thực hiện những biện pháp phòng tránh thiên tai.

Câu 36. Điều kiện nào sau đây của vùng biển nước ta thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển?

- A. Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
- B. Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng và giàu có.
- C. Có nhiều sa khoáng với trữ lượng công nghiệp.
- D. Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

Câu 37. Việc khẳng định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa

- A. là cơ sở để khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo và thềm lục địa.
- B. là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.
- C. là cơ sở để nước ta tiến hành mở cửa, hội nhập, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- D. là cơ sở để nước ta giao lưu kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Câu 38. Ngành khai thác dầu khí phát triển mạnh nhất ở nơi nào sau đây của vùng biển nước ta?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 39. Điều kiện thuận lợi của vùng biển nước ta để phát triển du lịch biển - đảo là

- A. có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
- B. nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.
- C. sinh vật biển phong phú, giàu thành phần loài.
- D. có nhiều sa khoáng và thềm lục địa có dầu mỏ.

Câu 40. Vì sao các ngành kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta?

- A. vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài.
- B. biển giàu tài nguyên khoáng sản, hải sản.
- C. kinh tế biển đóng góp ngày càng lớn trong GDP của cả nước.
- D. biển có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông, du lịch.

Câu 41. Phương hướng khai thác nguồn lợi hải sản vừa có hiệu quả, vừa góp phần bảo vệ vùng trời, vùng biển và thềm lục địa nước ta là

- A. đánh bắt xa bờ.
- B. đánh bắt ven bờ.
- C. trang bị vũ khí quân sự.
- D. đẩy mạnh chế biến tại chỗ.

Câu 42. Điểm nào sau đây không đúng đối với việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo?

- A. Tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ.
- B. Tránh khai thác quá mức các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao.
- C. Hạn chế việc đánh bắt xa bờ để tránh thiệt hại do bão gây ra.

D. Cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt nguồn lợi.

Câu 43. Tài nguyên nào không thể phục hồi khi khai thác quá mức ở vùng biển nước ta?

- A. Dầu, khí.
- B. Muối biển.
- C. Hải sản.
- D. Rừng ngập mặn

Câu 44. Nước ta chưa cần phải quan tâm đến vấn đề nào khi tiến hành khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo?

- A. khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ.
- B. khai thác quá mức các đối tượng có nguồn lợi kinh tế.
- C. sử dụng các phương tiện đánh bắt mang tính hủy diệt nguồn lợi.
- D. mở rộng hợp tác với nhiều nước hơn nữa.

Câu 45. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là

- A. hệ thống căn cứ để tiến ra khai thác biển và đại dương trong thời đại mới.
- B. nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất.
- C. cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa của nước ta.
- D. hệ thống tiên tiêu của vùng biển nước ta.

Câu 46. Vì sao nước ta cần đẩy mạnh đánh bắt xa bờ?

- A. nguồn lợi hải sản ven bờ đã hết.
- B. mang lại hiệu quả kinh tế cao lại bảo vệ được vùng trời, vùng biển và thềm lục địa.
- C. góp phần bảo vệ môi trường và vùng biển.
- D. nước ta có nhiều ngư trường xa bờ hơn.

Câu 47. Vì sao việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta ở ngư trường quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa có ý nghĩa quan trọng về an ninh, quốc phòng?

- A. mang lại hiệu quả cao về KTXH, bảo vệ tài nguyên sinh vật ven bờ.
- B. khẳng định chủ quyền của nước ta đối với hai quần đảo, vùng biển và thềm lục địa xung quanh.
- C. tăng sản lượng đánh bắt, nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế hộ gia đình và kinh tế địa phương.
- D. giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập cho người lao động.

Câu 48. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về điều kiện phát triển giao thông vận tải biển nước ta?

- 1. Có mạng lưới sông ngòi dày đặc với một số sông lớn.**
- 2. Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên biển Đông.**
- 3. Dọc bờ biển có nhiều vịnh biển kín thuận lợi cho xây dựng cảng nước sâu.**
- 4. Dọc bờ biển có nhiều cửa sông thuận lợi cho xây dựng cảng.**

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 49. Ý nghĩa của đánh bắt xa bờ đối với ngành thủy sản là

- A. Bảo vệ được vùng trời
- B. Bảo vệ được vùng thềm lục địa
- C. Giúp bảo vệ vùng biển
- D. Giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản

Câu 50. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất khách du lịch trong nước và quốc tế hiện nay ở nước ta là

- A. du lịch thể thao mạo hiểm.
- B. du lịch biển – đảo.
- C. du lịch nghỉ dưỡng.
- D. du lịch văn hóa.

Câu 51. Sản phẩm nổi tiếng và có giá trị ở huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang) chính là

- A. dầu khí.
- B. cà phê.
- C. đậu tương.
- D. nước mắm và hồ tiêu.

Câu 52. Các tài nguyên biển và hải đảo nước ta phải được khai thác tổng hợp vì

- A. Nhằm khai thác triệt để các nguồn lợi biển và hải đảo làm cơ sở cho sự phát triển các ngành kinh tế biển.

- B. Đảm bảo việc khai thác hợp lí, có hiệu quả đối với các nguồn tài nguyên biển và hải đảo.
- C. Môi trường biển và hải đảo đang bị suy thoái và ô nhiễm nghiêm trọng.
- D. Để giải quyết việc làm, tăng nguồn thu nhập cho lực lượng lao động trong cả nước.

Câu 53. Ý nào sau đây không đúng với tài nguyên khoáng sản biển ở vùng biển nước ta?

- A. Vùng biển nước ta có một số mỏ sa khoáng ôxit Ti tan có giá trị xuất khẩu.
- B. Dọc bờ biển của vùng Đồng bằng sông Hồng có điều kiện thuận lợi nhất để sản xuất muối.
- C. Cát trắng ở các đảo thuộc Quảng Ninh, Khánh Hòa là nguyên liệu quý để làm thủy tinh, pha lê.
- D. Vùng thềm lục địa có trữ lượng dầu khí lớn, đang được thăm dò và khai thác.

Câu 54. Vấn đề nào đang đặt ra khi khai thác dầu khí ở thềm lục địa nước ta?

- A. tránh để xảy ra các sự cố môi trường trong thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.
- B. Tăng cường hợp tác với các nước để được chuyển giao công nghệ hiện đại
- C. Xây dựng nhà máy lọc dầu tại nơi khai thác
- D. Hợp tác toàn diện lao động nước ngoài

Câu 55. Để đảm bảo việc khai thác hợp lí, có hiệu quả đối với các nguồn tài nguyên biển và hải đảo thì các nguồn tài nguyên biển và hải đảo nước ta phải

- A. khai thác tổng hợp.
- B. khai thác có kế hoạch.
- C. chọn ngành mũi nhọn.
- D. khai thác có trọng điểm.

Câu 56. Vì sao kinh tế biển ngày càng có vai trò quan trọng đối với nước ta?

- A. Biển nước ta giàu nguồn lợi sinh vật, khoáng sản.
- B. Nước ta có đường bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng.
- C. Biển nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch biển-đảo, giao thông vận tải biển.
- D. Việc giao lưu hợp tác với các nước khác thông qua kinh tế biển ngày càng quan trọng.

Câu 57. Vì sao nước ta phải khai thác tổng hợp kinh tế biển, đảo?

- A. hoạt động kinh tế biển rất đa dạng.
- B. tài nguyên biển đang bị suy thoái nghiêm trọng.
- C. nước ta giàu có về tài nguyên biển.
- D. biển Đông là biển chung của nhiều quốc gia.

**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ĐỊA 12 BÀI 42 VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, AN
NINH QUỐC PHÒNG Ở BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO**

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	A	Câu 30	D
Câu 2	B	Câu 31	D
Câu 3	C	Câu 32	D
Câu 4	C	Câu 33	B
Câu 5	A	Câu 34	D
Câu 6	D	Câu 35	C
Câu 7	D	Câu 36	D
Câu 8	B	Câu 37	B
Câu 9	C	Câu 38	A
Câu 10	A	Câu 39	A
Câu 11	B	Câu 40	C
Câu 12	C	Câu 41	A
Câu 13	B	Câu 42	C
Câu 14	B	Câu 43	A
Câu 15	A	Câu 44	D
Câu 16	D	Câu 45	C
Câu 17	B	Câu 46	B
Câu 18	D	Câu 47	B

Câu 19	D	Câu 48	C
Câu 20	D	Câu 49	D
Câu 21	C	Câu 50	B
Câu 22	D	Câu 51	D
Câu 23	B	Câu 52	B
Câu 24	D	Câu 53	B
Câu 25	A	Câu 54	A
Câu 26	D	Câu 55	A
Câu 27	A	Câu 56	D
Câu 28	C	Câu 57	A
Câu 29	D		

